TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM KHÊ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 50/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15/8/2023
V/v*: Tranh chấp*
Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ, TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Hán Hưởng
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Ông Nguyễn Việt Tú
2. Bà Đỗ Thị Thu Hường

- *Thư ký phiên toà*: Bà Hà Thị Cẩm Vân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Hiển - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 151/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị Thu H, sinh năm 1973
Địa chỉ: Khu T, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ..

Bị đơn: Anh Phùng Văn T, sinh năm 1969
Địa chỉ: Khu T, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

(Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2023, tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án chị Hà Thị Thu H trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị kết hôn anh Phùng Văn T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phú (nay là huyện C, tỉnh Phú Thọ) ngày 11/7/1992. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình nhà anh T ở xã Đ đến năm 2003 thì cùng nhau vào miền Nam làm ăn

sinh sống. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống; do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên sống ly thân từ đó đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh T để ổn định cuộc sống.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là Phùng Tiến M, sinh ngày 13/5/1993 và Phùng Thế Tr, sinh ngày 16/4/1997. Hiện nay cả 02 con chung đã trên 18 tuổi, đã tự lao động tự túc được nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung; Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức*: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh T hợp lệ nhưng anh T không nhận văn bản tố tụng, cũng không đến Tòa án để giải quyết việc chị H xin ly hôn nên Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ để đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê phát biểu quan điểm:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng quy định của Pháp luật. Bị đơn cố tình vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Hà Thị Thu H được ly hôn anh Phùng Văn T.

Về con chung: Chị Hà Thị Thu H và anh Phùng Văn T có 02 con chung là Phùng Tiến M, sinh ngày 13/5/1993 và Phùng Thế Tr, sinh ngày 16/4/1997. Hiện nay cả 02 con chung đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động tự túc nên đề nghị Tòa án không giải quyết.

Về tài sản chung, Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Do chị H không đề nghị xem xét, nên đề nghị Tòa án không giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà; trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã báo anh T đến để giải quyết việc chị H xin ly hôn, nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ và đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T là thực hiện đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về nội dung vụ án:*

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Thu H xin được ly hôn anh Phùng Văn T thấy rằng: Chị Hà Thị Thu H và anh Phùng Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 11/7/1992, tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phú (nay là huyện C, tỉnh Phú Thọ) là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ kết quả xác minh tại địa phương xã Đ thể hiện: Trong đời sống hôn nhân, vợ chồng chị H và anh T mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ năm 2020, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Trong khi đó, mặc dù Tòa án đã tống đạt các văn bản cho anh T, nhưng anh T không nhận và cố tình vắng mặt, không tham gia hòa giải mâu thuẫn để vợ chồng về đoàn tụ.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh T, cho chị H được ly hôn anh T để ổn định cuộc sống.

2.2. V*ề con chung:* Chị H và anh T có 02 con chung là Phùng Tiến M, sinh ngày 13/5/1993 và Phùng Thế Tr, sinh ngày 16/4/1997. Hiện nay cả 02 con chung đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động tự túc nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.3. Về tài sản chung; Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Chị H không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. *Về án phí:* Chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hà Thị Thu H được ly hôn anh Phùng Văn T.

2. Về án phí: Chị Hà Thị Thu H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008164 ngày 23/3/2023; tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê; chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị H, anh T vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Khê;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hán Hưởng